TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **112**/2022/DS - PT
Ngày: 28 – 6 - 2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đức

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Tuyết, ông Nguyễn Ngọc Sâm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Kim Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 102/2022/QĐ-PT ngày 15/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị L, sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh L1, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn 4, xã Ea Bhốk , huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt);

2. Bị đơn: Bà Lưu Thị V, sinh năm: 1968. Địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt);

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phạm Xuân H và bà Nguyễn Thị T. Địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt);

3.2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Lưu Thị V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Minh L1 trình bày:

Vào ngày 08/01/2020, bà Lưu Thị V có ký hợp đồng vay của bà Đặng Thị L số tiền 110.000.000 đồng, hẹn ngày 08/5/2020 trả, lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng. Hợp đồng có công chứng tại Văn phòng công chứng C. Quá thời hạn, bà V chưa trả cho bà L tiền vay gốc và lãi suất.

Vào ngày 24/5/2020, bà V tiếp tục vay của bà L số tiền 230.000.000 đồng, hai bên không quy định lãi suất. Khi vay, hai bên có viết bản hợp đồng làm lô, bà V giao cho bà L 01 lô hồ tiêu so 15A có diện tích 6.800 m2 tại thôn 1, xã E đứng tên ông Nguyễn Kim S (chồng của bà V). Hai bên thỏa thuận đến ngày 24/4/2021 sẽ trả 230.000.000 đồng, lãi suất là 20%/năm, đồng thời bà L phải trả lại lô hồ tiêu này. Đến hạn trả tiền, bà V vẫn không trả tiền gốc và lãi suất vay cho bà L. Nay bà Đặng Thị L làm đơn khởi kiện, yêu cầu bà Lưu Thị V phải trả số tiền cụ thể như sau:

- Trả số tiền nợ gốc 110.000.000 đồng và lãi suất phát sinh là 10%/năm kể từ ngày vay 08/01/2020 cho đến nay.

- Trả số tiền nợ gốc 230.000.000 đồng và lãi suất phát sinh là 20%/năm kể từ ngày vay 24/5/2020 cho đến nay.

Sau khi bà Lưu Thị V trả xong các khoản tiền cho bà Đặng Thị L, thì bà L trả lại lô hồ tiêu số 15A có diện tích 6.800 m^2 cho bà Lưu Thị V, như trong bản hợp đồng làm lô mà hai bên đã ký.

Bị đơn bà Lưu Thị V trình bày: Giữa tôi, bà Đặng Thị L và bà Nguyễn Thị C là bạn bè quen biết nhau. Vào tháng 7/2019, ba chúng tôi có mua chung 01 thửa đất tại thôn N, xã D với giá 1,2 tỷ đồng. Tháng 10/2019, chúng tôi bán lại thửa đất trên cho ông Phạm Xuân H ở thôn K, xã D với giá 1,4 tỷ đồng. Khi bán thửa đất trên, ông H trả cho chúng tôi 900.000.000 đồng tiền mặt và 500.000.000 đồng, ông H trả bằng hợp đồng góp vốn đầu tư vào Công ty T mang tên tôi.

Vào ngày 02/11/2019, do cần tiền để trả nợ cho ngân hàng nên tôi có mượn của chị C 110.000.000 đồng và chị L 110.000.000 đồng trong số tiền bán thửa đất mà hai chị đang giữ. Mượn được 02 ngày, tôi trả cho chị C 110 triệu, còn 110 triệu của chị L tôi chưa trả được, nên đến tháng 01/2020 tôi và chị L ra Văn phòng công chứng C để ký vào hợp đồng mượn số tiền này.

Đối với khoản tiền vay 230.000.000 đồng mà bà L khởi kiện, là số tiền mua đất chung giữa 3 người (C, L, V). Đây là tổng của số tiền vay 110.000.000 đồng đã ký tại Văn phòng công chứng C và số tiền 500 triệu, chia cho 3 người trong hợp đồng góp vốn đầu tư vào Công ty T (các bên thỏa thuận bằng miệng, tôi được chia 260.000.000 đồng, chị L 120.000.000 đồng và chị C 120.000.000 đồng nếu lấy lại được vốn góp). Tổng cộng là 230.000.000 đồng, đúng với số tiền mà chị L khởi kiện. Lý do tôi không lấy lại giấy vay 110.000.000 đồng ngày 08/01/2020 là do tin tưởng là bạn bè quen biết nên tôi không lấy giấy vay tiền này về.

Đối với bản hợp đồng làm lô mà nguyên đơn cung cấp kèm theo đơn khởi kiện, tôi trình bày như sau: Do vợ chồng chị L hay mâu thuẫn, nên tôi có viết giấy nhận nợ của vợ chồng anh chị L số tiền 230.000.000 đồng để làm tin, bao gồm 02

khoản gồm: 110.000.000 đồng nhận nợ, ký tại Văn phòng công chứng C và số tiền 120.000.000 đồng được chia trong hợp đồng góp vốn vào Công ty T (để vợ chồng không cãi nhau) và giao cho vợ chồng chị L lô hồ tiêu số 15A, có diện tích 6.800 m^2, thuộc Công ty cà phê E ở tại: Thôn 1, xã E để anh chị chăm sóc trong thời gian 01 năm (Tôi là người viết bản hợp đồng làm lô, có chữ ký xác nhận của tôi và chị L), chứ tôi không nhận của vợ chồng chị L số tiền trên.

Nay chị Đặng Thị L làm đơn khởi kiện yêu cầu tôi trả 02 khoản tiền tổng cộng là 340.000.000 đồng thì tôi không đồng ý. Tôi chỉ nợ chị Đặng Thị L có 230.000.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng). Đây là khoản tiền vay ngày 08/01/2020 số tiền 110.000.000 đồng có ký tại Văn phòng công chứng C và 120.000.000 đồng được chia trong hợp đồng góp vốn tại Công ty T, về lãi suất, đây là số tiền bán đất chung được chia nên tôi không yêu cầu tính lãi suất. Kính mong Tòa án xem xét.

Người có quyền lợi,nghĩa vụ liên quan ông Phạm Xuân H và bà Nguyễn Thị T trình bày.

Vào năm 2019, vợ chồng tôi có mua của bà V, bà L và bà C (tôi được biết đây là đất của cả ba người mua chung với nhau) một thửa đất có diện tích 202 m^2, với giá là 1.400.000.000 đồng. Khi mua thửa đất trên, chúng tôi có lập giấy viết tay.

Vì giấy chứng nhận thửa đất trên, khi đó hiện đang thế chấp tại Ngân hàng K nên tôi đã ra Ngân hàng trực tiếp nộp số tiền 650.000.000 đồng vào Ngân hàng để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra. Số tiền còn lại 750.000.000 đồng, thì tôi có sang tên cho bà Lưu Thị V bằng Hợp đồng góp vốn vào Công ty T với số tiền 500.000.000 đồng (việc sang tên Hợp đồng góp vốn vào Công ty T là hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc), còn lại 250.000.000 đồng thì vợ chồng tôi trả bằng tiền mặt cho bà C và bà L nhận trực tiếp.

Việc vợ chồng tôi và Công ty T có quan hệ quen biết nhau thông qua việc góp vốn vào Công ty, nên tôi giới thiệu và sang tên tôi cho bà Lưu Thị V trong hợp đồng góp vốn vào Công ty T. Việc bà V hay cả ba bà V, bà L và bà C có góp vốn vào Công ty T như thế nào thì tôi không rõ, vì tôi không góp vốn cùng và cũng không liên quan đến việc này.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà V trả số tiền 340.000.000 đồng thì tôi không liên quan đến số tiền nợ này và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà Đặng Thị L khởi kiện bà Lưu Thị V số tiền thế nào thì tôi không biết. Giữa tôi, bà L và bà V có mua chung lô đất, sau đó bán trả nợ ngân hàng và các chi phí như tiền lãi, tiền hồ sơ... Cô V nợ tôi và bà L mỗi người 120 triệu, còn lại 110 triệu cô V mượn lại để trả ngân hàng. Ngoài ra tôi không biết gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DSST ngày 28/02/2022 của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin đã quyết định:

Buộc bà Lưu Thị V có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị L số tiền 382.714.600 đồng *(Ba trăm tám mươi hai triệu, bảy trăm mười bốn ngàn, sáu trăm đồng)*. Trong đó: (Tiền vay gốc 340.000.000 đồng; Tiền lãi tính đến ngày 28/02/2022 là 42.714.600 đồng).

Sau khi bà Lưu Thị V trả xong khoản tiền vay, mượn gốc và lãi suất cho bà Đặng Thị L, thì bà Đặng Thị L có nghĩa vụ trả lại cho bà Lưu Thị V lô hồ tiêu số 15A có diện tích 6.800 m^2 thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê E, đóng tại thôn 1, xã E, huyện C mang tên ông Nguyễn Kim S cho bà Lưu Thị V.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về lãi suất khi thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/3/2022, bà Lưu Thị V kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm;

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Lưu Thị V. Sửa Bản án sơ thẩm số 02/2022/DSST ngày 28/02/2022 của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của bị đơn bà Lưu Thị V trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 08/01/2020, bà V ký hợp đồng vay của bà L số tiền 110.000.000 đồng, hẹn ngày 08/5/2020 trả, lãi suất thỏa thuận là 01%/tháng. Hợp đồng có công chứng, chứng thực tại Văn phòng công chứng C.

Ngày 24/5/2020, bà V tiếp tục mượn của bà L 230.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất. Hai bên có lập hợp đồng thỏa thuận bà V giao cho bà L 01 lô hồ tiêu số 15A có diện tích 6.800 m2 thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê E tại thôn 1, xã E, huyện C giao khoán cho ông Nguyễn Kim S (chồng của bà V, đã chết trước đó) để bà L chăm sóc. Hai bên thỏa thuận trong vòng 11 tháng (đến ngày 24/4/2021) sẽ trả 230.000.000 đồng, bà L phải có nghĩa vụ trả lại lô hồ tiêu này. Đến hạn trả tiền, bà V không trả tiền nên bà L đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà V trả 340.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất phát sinh.

Quá trình giải quyết vụ án, bà V trình bày do vợ chồng bà L hay mâu thuẫn nên bà V có viết giấy nhận nợ 230.000.000 đồng, bao gồm 02 khoản: 110.000.000 đồng ký tại Văn phòng công chứng C và 120.000.000 đồng được chia trong hợp đồng góp vốn vào Công ty T để vợ chồng bà L không cãi nhau. Do tin tưởng là bạn bè quen biết nên bà V không lấy lại giấy vay 110.000.000 đồng ngày 08/01/2020. Nhưng bà V không cung cấp được chứng cứ để chứng minh và không được nguyên đơn thừa nhận.

Xét thấy, hai bên lập quan hệ hợp đồng vay tài sản là hoàn toàn tự nguyện và đúng các quy định pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà V phải trả cho bà L 340.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất phát sinh là đúng quy định pháp luật.

[2.2] Đối với yêu cầu trả lại số hồ tiêu mà vợ chồng bà L thu hoạch năm 2021: Bà V tự nguyên ký giấy giao lô hồ tiêu cho bà L trong thời hạn 01 năm. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm bà V không có yêu cầu phản tố và cũng không nộp tiền tạm ứng án phí nên không xem xét giải quyết trong vụ án này. Bà V có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

Đối với lô hồ tiêu số 15A, diện tích 6.800m^2: Đây là tài sản của Công ty TNHH MTV Cà phê E giao khoán cho ông S (chồng bà V, đã chết). Do đó, việc bà V giao lô hồ tiêu này cho bà L để đảm bao khoản vay là không đúng theo quy định của hợp đồng giao nhận khoán. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm không tuyên buộc bà L phải trả lại cho bà Lưu Thị V lô hồ tiêu số 15A có diện tích 6.800 m^2 ngay mà lại tuyên trả lại lô hồ tiêu sau khi trả xong khoản vay gốc và lãi suất cho bà L, như vậy làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của bà V cùng Công ty cà phê E.

Từ những phân tích trên, cần chấp nhận kháng cáo của bà V sửa một phần Bản án sơ thẩm tuyên buộc bà L phải trả lại lô hồ tiêu trên cho bà V để bà V tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thỏa thuận trong hợp đồng giao khoán với Công ty cà phê E.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận một phần kháng cáo nên bà V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho Bà Lưu Thị V 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0002188 ngày 01/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Lưu Thị V. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DSST ngày 28/02/2022 của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L.

1. Buộc bà Lưu Thị V có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị L số tiền 382.714.600 đồng (Ba trăm tám mươi hai triệu, bảy trăm mười bốn ngàn, sáu trăm đồng). Trong đó: (Tiền vay gốc 340.000.000 đồng; Tiền lãi tính đến ngày 28/02/2022 là 42.714.600 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Đặng Thị L có nghĩa vụ trả lại cho bà Lưu Thị V lô hồ tiêu số 15A có diện tích 6.800 m^2 thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê E, đóng tại thôn 1, xã E, huyện C mang tên ông Nguyễn Kim S cho bà Lưu Thị V.

3. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lưu Thị V phải nộp 19.135.730 đồng (Mười chín triệu, một trăm ba mươi lăm ngàn, bảy trăm ba mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đặng Thị L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền 8.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 60AA/2021/0001813 ngày 28/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Trả lại cho Bà Lưu Thị V 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0002188 ngày 01/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đăk Lăk;
- TAND huyện Cư Kuin;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
-……..
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Đức